

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hiền và ông Chu Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2022/TLST – HNGĐ ngày 07/6/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công P, sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

(Có mặt chị H; vắng mặt anh P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:

*** Về hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Công P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh P là người chơi bời không chịu làm ăn, chị H nói thì anh P đánh chửi chị, vợ chồng liên tục xảy ra

mâu thuẫn cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù được gia đình hai bên, bà con lối xóm động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không về chung sống với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh P không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

*** Về con chung:** Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 25/02/2014. Hiện tại các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và các cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị xin nhận nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị do chị có đủ điều kiện nuôi con; từ khi vợ chồng sống ly thân anh P cũng không chu cấp tiền nuôi con cùng chị.

*** Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Công P từ chối nhận giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

[3] Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh P. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Đ, cháu T và không yêu cầu anh P phải góp tiền cấp nuôi con cho chị. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh P không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh P vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

*** Về tố tụng,** TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về giải quyết vụ án;** đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Công P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 25/02/2014 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công P không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Nguyễn Công P đăng ký HKTT và cư trú tại thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Xét thấy anh P đã được Công an xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh P từ chối nhận các văn bản tố tụng và không tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết việc chị H kiện ly hôn. Tòa án nhân dân huyện B đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh P hợp lệ vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Công P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Từ tháng 5/2018 đến nay chị H anh P sống ly thân.

Tại buổi làm việc với Tòa án ngày 13/7/2022; chính quyền xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam cung cấp: Trong quá trình vợ chồng chị H, anh P chung sống tại địa phương thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P ham chơi; mỗi lần uống rượu về lại chửi bới, đánh chị H; gây mất trật tự an tại thôn xóm; có lần chính quyền địa phương phải đến can thiệp. Địa phương đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án đối với anh P; Công an xã A đã cử người gặp trực tiếp anh P nhưng anh P đều từ chối nhận. Nay địa phương xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã kéo dài; việc anh P cố tình vắng mặt chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không tham gia giải quyết tại tòa án. Việc làm này của anh P thể hiện sự bỏ mặc và gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H luôn có quan điểm mong muốn được

ly hôn anh P. Xét trên thực tế anh chị đã chấm dứt cuộc sống chung nên khả năng chị H, anh P đoàn tụ về chung sống là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh P là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Công P có 02 con chung là cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 25/02/2014; hiện tại các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Đ, cháu T đã lớn và có nguyện vọng được ở với mẹ như hiện tại. Xét đề nghị của chị H là tự nguyện, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con nên chấp nhận; giao chị H nuôi dưỡng cháu Đ, cháu T; anh P không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

[3] Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng); trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H không đề nghị giải quyết; anh P cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng không trình bày quan điểm vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh P xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Công P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 20/3/2011 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 25/02/2014 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công P không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị .

Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và cháu T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2021/0000463

ngày 07/6/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An Độ; huyện B;
- UBND xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)